

Số: 1643/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty
TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....7867.....
	Ngày: 08/11/13.....
	Chuyên:.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi do Kiểm toán Nhà nước khu vực III lập ngày 16/8/2013;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2554/STC-TCĐN ngày 25/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi, với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kết quả hoạt động năm 2012:

- Tổng doanh thu: 45.927.773.594 đồng;
- Tổng chi phí: 41.793.617.444 đồng;

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.134.156.150 đồng.

2. Số liệu Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2012:

Đơn vị tính: đồng

TỔNG TÀI SẢN	SỐ LIỆU	TỔNG NGUỒN VỐN	SỐ LIỆU
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	78.478.443.981	A. NỢ PHẢI TRẢ	28.499.591.570
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.842.923.530	I. Nợ ngắn hạn	28.499.591.570
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	II. Nợ dài hạn	0
III. Các khoản phải thu	67.154.506.761	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	960.438.705.159
IV. Hàng tồn kho	140.652.540	I. Vốn chủ sở hữu	221.547.889.829
V. Tài sản ngắn hạn khác	340.361.150	1. Vốn đầu tư của CSH	57.978.510.818
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	910.459.852.748	2. Vốn khác của CSH	0
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	3. Quỹ đầu tư phát triển	7.137.597
II. Tài sản cố định	910.228.554.606	4. Quỹ dự phòng TC	367.141.443
1. Tài sản cố định hữu hình	791.448.669.481	5. Quỹ khác thuộc vốn CSH	0
- Nguyên giá	1.562.667.788.747	6. L.nhuận chưa P.Phối	(3.219.500.495)
- Giá trị hao mòn lũy kế	(771.219.119.266)	7. N.Vốn đầu tư XDCB	166.414.600.466
2. Chi phí XDCB dở dang	118.779.885.125	II. Nguồn kinh phí và Quỹ khác	738.890.815.330
III. Bất động sản đầu tư	0	1. Quỹ k.thương p.lợi	0
IV. Các khoản đầu tư TC dài hạn	0	2. Nguồn kinh phí	(6.150.808.238)
V. Tài sản dài hạn khác	231.298.142	3. Nguồn KP đã hình thành TSCĐ	745.041.623.568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	988.938.296.729	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	988.938.296.729

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- CT, PCT(NN) UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt447.



CHỦ TỊCH

Cao Khoa